

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2020

V/v: "*Tranh chấp xác định cha cho con*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Điền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Bà Mai Lương Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp "*Xác định cha cho con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông VanMaNi K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số X, đường V, phường Đ, quận G, thành phố N.

Bị đơn: Bà Đỗ Thu H, sinh năm 1991

Địa chỉ: số X, đường S, Phường D, thành phố L, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Quốc lộ X, Đèo P, phường C, thành phố L, tỉnh Đ (hiện đang làm kỹ thuật điện tại thác Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Đ).

(*bà H có mặt, ông T, K vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông K trình bày:

Bà Đỗ Thu H và ông Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ vào năm 2009, Trong quá trình chung sống bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5 năm 2019 bà H và ông T đã được Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết cho ly hôn.

Cuối năm 2019 bà Đỗ Thu H có sinh một bé gái qua tìm hiểu thì được biết bé gái được sinh trong thời gian 300 ngày kể từ ngày bà H và ông T chấm dứt quan hệ hôn nhân. Sau khi bà H sinh con (bé gái) ông K đã giám định AND, kết luận ông K và bé gái có huyết thống cha con. Vì vậy ông K yêu cầu Tòa án xác nhận bé gái do chị H sinh ra vào ngày 05/10/2019 theo giấy chứng sinh của bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ là con của anh K .

Theo, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của bị đơn – bà Đỗ Thu H trình bày: Bà Đỗ Thu H với ông Nguyễn Xuân T kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ đến năm 2019 thì bà H và ông T ly hôn theo quyết định số 179/2019/QĐST –HNGĐ ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ, Tuy nhiên vào đầu năm năm 2019, thì bà Đỗ Thu H có quen biết ông Vanmani K và có qua lại, quan hệ với nhau như vợ chồng. Đến ngày 05 tháng 10 năm 2019 thì bà H có sinh một bé gái tại bệnh viện tỉnh Đ. Sau đó bà H và ông Vanmani K đã đưa con gái của bà H sinh ngày 05/10/2019 đi giám định AND tại viện sinh học phân tử LOCI, quận Đc thành phố M và Hội đồng khoa học viện sinh học phân tử LOCI kết luận người có mẫu AND ký hiệu VanMaNi K và người có mẫu AND ký hiệu số 4809 quyền số 46, có huyết thống cha, con. Nay ông Vanmani K yêu cầu tòa án xác định bé gái sinh ra vào ngày 05/10/2019 theo giấy chứng sinh của bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ là con của ông Vanmani K thì bà H đồng ý. .

Theo bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Xuân T trình bày

Ông Nguyễn Xuân T kết hôn cùng với bà Đỗ Thu H vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ. Quá trình chung sống ông T và bà H xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2019 bà H và ông T được Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên đến tháng 10/2019 thì chị H sinh một bé gái tại bệnh viện tỉnh Đ và đã được giám định AND. Kết luận bé gái do chị H sinh ra không phải là con của anh T mà là con của bà H và ông Vanmani K. Do vậy tôi không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì trong vụ án này.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thu H và ông Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ vào năm 2009 và đã ly hôn theo quyết định số 179/2019/QĐST–HNGĐ ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ. Đến ngày 05 tháng 10 năm 2019 thì bà H sinh một bé gái

theo giấy chứng sinh ngày 05/10/2019 của Bệnh viện Tỉnh Đ và đã giám định AND kết luận ông Vanmani K và bé gái do chị H sinh ra vào ngày 05/10/2019 có huyết thống cha con. Vì vậy ông Vanmani K yêu cầu Tòa án xác nhận bé gái do chị H sinh ra vào ngày 05/10/2019 theo giấy chứng sinh 4809 quyển số 46 là con của ông Vanmani K là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Xuất phát từ việc ông Vanmani K khởi kiện chị Đỗ Thu H xác định bé gái sinh ngày 05/10/2019 tại bệnh viện tỉnh Đ là con của ông Vanmani K nên căn cứ khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ tranh chấp “*Xác định cha cho con*”.

Do bà Đỗ Thu H có địa chỉ tại số X, đường S, Phường D, thành phố L, tỉnh Đ. Do đó căn cứ vào Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thu H và ông Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Đ vào năm 2009 và đã ly hôn theo quyết số 179/2019/QĐST –HNGĐ ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ. Tuy nhiên vào tháng 10/2019 thì bà H có sinh một bé gái. Bé gái được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày bà H và ông T chấm dứt hôn nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì bé gái này được coi là con do bà H có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Mặc dù bé gái được coi là con do bà H có thai trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên bà H và ông T đều xác định bé gái do bà H sinh ngày 05/10/2019 là con của ông Vanmani K. Sau khi bà H sinh con, ông Vanmani K cùng bà H đưa bé gái do bà H sinh ra vào ngày 05/10/2019 tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ đi giám định AND, tại viện sinh học phân tử LOCI, quận Đ thành phố M và Hội đồng khoa học viện sinh học phân tử LOCI kết luận người có mẫu AND ký hiệu Vanmani K và người có mẫu AND ký hiệu số 4809 quyển số 46, có huyết thống cha, con với tần suất 99,9999741%. Như vậy lời khai của đương sự có mặt tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy yêu cầu của ông Vanmani K về việc xác định bé gái do bà H sinh ra vào ngày 05/10/2019 tại bệnh viện tỉnh Đ là con của ông Vanmani K là có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà Đỗ Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Vanmani K được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 88, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vanmani K về việc “*Xác định cha cho con*”.

1. Công nhận ông Vanmani K là cha ruột của bé gái do bà Đỗ Thu H sinh ra vào ngày 05/10/2019, theo giấy chứng sinh số 4809, quyển số 46 của Bệnh viện tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thu H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bà Đỗ Thu H có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Xuân T và ông Vanmani K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND Tp L;
- Chi cục THADS Tp L;
- Các đương sự;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền